

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Khánh Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thanh Yên và ông Nguyễn Báu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Thông báo thay đổi lịch xét xử số 351/TB-DS ngày 22/8/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Văn T, sinh năm: 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn N, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Ông Thập Hồng D, sinh năm: 1978, bà Kiều Thị Huyền T1, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/3/2024, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Văn T trình bày: Vào năm 2019, ông Thập Hồng D có vay tiền của ông là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), tiếp tục vào năm 2020, ông D vay của ông số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) để mua bò bầy. Lúc này do hai bên tin tưởng nhau nên không làm giấy tờ. Tại thời điểm đó hai bên thỏa thuận lãi suất là 2.000đ/ngày đối với số tiền 200.000.000 đồng, còn số tiền vay 120.000.000

đồng hai bên thỏa thuận tính lãi suất theo tháng, theo đó mỗi tháng là 1.500.000đ/tháng/120.000.000đ. Như vậy, tính đến năm 2020, ông Thập Hồng D vay của ông tổng cộng số tiền gốc là 320.000.000 đồng, ông D đã thanh toán cho ông đầy đủ khoản tiền lãi từ năm 2020. Sau đó đến khi dịch Covid 19 bùng phát tại làng V và bị cách ly nên hai bên thỏa thuận bằng miệng không tính lãi suất đối với số tiền 320.000.000 đồng này, vì thời điểm đó thôn V, xã P bị cách ly không thể làm ăn buôn bán được, đồng thời ông D có hứa với ông khi nào nhận được số tiền đền bù do nhà nước thu hồi đất sẽ trả dứt điểm toàn bộ số tiền nợ 320.000.000 đồng trên.

Đến ngày 25/01/2022, ông có làm tờ giấy với nội dung “Giấy vay mượn tiền” có nội dung ông D đang nợ ông số tiền 320.000.000đ. Tờ giấy này do ông làm và đưa cho ông D ký, ghi họ tên vào. Giấy này làm 02 tờ mỗi bên giữ 01 tờ. Sau khi hai bên chốt số nợ 320 triệu đồng, hai bên đã thống nhất không tính lãi suất số tiền trên. Sau khi ông D được nhà nước bồi thường số tiền thu hồi đất nhưng ông D không chịu thanh toán cho ông khoản nào. Sau nhiều lần ông đòi thì ông D có trả cho được 30.000.000 đồng. Sau khi ông D trả cho số tiền 30.000.000 đồng thì hai bên có làm giấy viết tay với nội dung “Giấy nợ” đề ngày 25/8/2022 có nội dung vợ chồng ông D, bà T1 đang nợ ông số tiền 290.000.000 đồng. Tờ giấy này do ông tự viết và đưa cho vợ ông D, bà T1 ký và ghi họ tên vào. Từ đó đến nay ông đã nhiều lần đòi nhưng vợ chồng ông D không chịu trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông xác nhận trong số tiền 290 triệu đồng theo đơn khởi kiện thì trong đó có 90 triệu là tiền của bà Nguyễn Thị Xuân C. Nay giữa ông, bà C với ông Thập Hồng D đã tự thỏa thuận với nhau về số tiền 90.000.000 đồng trên, vì vậy tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa, ông chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 trả cho ông số tiền vay còn nợ là 200.000.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn ông Thập Hồng D trình bày: Ông đã nhiều lần vay tiền của ông T từ khoảng 07 đến 08 năm trước, vay rất nhiều lần nên ông không nhớ. Mỗi lần vay tiền hai bên đều thỏa thuận lãi suất vay tính theo ngày, tính theo bậc 4 tức là 4%/ngày/số tiền vay. Ông đều trả đầy đủ lãi cho ông T. Đến khi dịch bùng phát tại Làng V, xã P thì hai bên thống nhất không tính lãi suất nữa. Lúc này ông với ông T ngồi lại tính tổng nợ gốc mà ông đang nợ của ông T là 320.000.000 đồng. Sau đó hai bên làm một tờ giấy đánh máy, giấy này ông T tự làm đề ngày 25/01/2022, ông không đọc nội dung trong tờ trên, tuy nhiên ông biết trong tờ giấy này có ghi nội dung là ông còn nợ ông T số tiền 320.000.000 đồng. Ông xác nhận chữ ký, chữ viết ghi “Thập

Hồng Doanh” tại mục Bên B (bên vay) trong tờ giấy có nội dung “Giấy vay mượn tiền” là chữ ký và chữ viết của ông. Sau khi hai bên chốt xong khoản nợ 320.000.000 đồng thì ông có hẹn ông T khi nào nhà nước bồi thường tiền thu hồi đất có bao nhiêu thì ông sẽ trả cho ông T bấy nhiêu. Sau khi nhận tiền bồi thường thì vợ chồng ông có tới tại nhà ông T2 và trả cho ông T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là số tiền gốc. Số tiền 100.000.000 đồng này là do vợ ông là bà T1 là người trực tiếp đưa tiền cho ông T, ông là người đi cùng và là người chứng kiến. Lúc trả 100 triệu đồng này thì hai bên không làm giấy tờ. Sau khi trả xong số tiền 100 triệu đồng thì ông T tiếp tục ghi tờ giấy viết tay đề ngày 25/8/2022 và ép vợ chồng tôi ký vào tờ giấy này, Sau đó tôi không đồng ý ký thì vợ tôi có năn nỉ và kêu tôi ký nên tôi có ký chữ D (không ghi họ tên) và vợ tôi có ký vào tờ giấy này. Tôi không biết nội dung gì trong tờ giấy này là gì. Tôi xác nhận tôi chỉ còn nợ của ông T số tiền là 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng). Vì trước đây hai bên đã chốt tổng số tiền vay là 320.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 25/01/2022. Sau đó vợ chồng ông đã trả cho ông T được 100 triệu đồng tiền gốc, còn lại là 220 triệu đồng. Trong số 220 triệu đồng này thì trong đó có 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) là tiền ông vay của bà C (là vợ của ông T). Bà C đã yêu cầu ông tách ra số tiền 90 triệu đồng này và ông đồng ý. Số tiền 90 triệu đồng này hiện nay ông vẫn đang trả lãi cho bà C hàng tháng. Vì vậy hiện nay ông chỉ còn nợ ông T số tiền 130.000.000 đồng. Lúc vợ chồng ông trả cho ông T số tiền tiền 100 triệu đồng thì hai bên không làm giấy tờ gì. Lúc trả tiền 100 triệu đồng này thì ông T tự ý khấu trừ số tiền lãi là 70 triệu đồng, còn lại 30 triệu đồng thì ông T khấu trừ vào số tiền gốc. Chính vì vậy nên hiện nay ông T yêu cầu vợ chồng ông trả cho ông T số tiền gốc là 200 triệu đồng. Ông xác nhận chỉ còn nợ ông T số tiền gốc là 130.000.000 đồng và đồng ý trả cho T số tiền trên. Việc ông trả tiền gốc cho ông T số tiền 70.000.000 đồng hai bên không làm giấy tờ. Ông không có tài liệu, chứng cứ để giao nộp cho Tòa án.

Bị đơn bà Kiều Thị Huyền T1 trình bày: Vào năm 2022 khi ông D làm ăn thua lỗ và thiếu nợ thì ông Trịnh Văn T có kéo theo một băng người xã hội đen đến nhà bà gây áp lực để đòi nợ ông D thì lúc này bà biết việc ông D đang nợ ông tương số tiền là 320.000.000 đồng, bà biết số nợ 320 triệu đồng là do ông T có đưa tờ giấy vay tiền có chữ ký của ông D và ông T cho bà coi nên bà mới biết. Thực chất số tiền 320.000.000 đồng này ông D vay làm gì thì bà không biết vì ông D không đưa tiền cho bà, cũng không nói cho bà biết. Sau khi nhận được số tiền bồi thường từ nhà nước do thu hồi đất, vì sợ ông T lại tiếp tục dẫn những người xã hội đen đến gây áp

lực nên bà cùng với ông D cầm số tiền 100 triệu đồng đến nhà ông T để trả dần cho ông T. Việc bà cầm số tiền 100 triệu đồng này do ông D năn nỉ và xin lỗi bà, bà vì tình nghĩa vợ chồng nên mới đồng ý trả cho ông T số tiền 100 triệu đồng trên. Thực chất đây là số tiền nợ riêng do ông D tự mượn, bà không biết. Vì việc vay tiền của ông D không phải vì mục đích phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của gia đình. Tại thời điểm bà với ông D cầm số tiền 100 triệu đồng để trả cho ông T mục đích là trả số tiền gốc trong tổng số 320 triệu đồng nhưng ông T không chịu, lúc này ông T trừ tiền lãi hết 70 triệu đồng, còn lại 30 triệu đồng thì ông T trừ vào số tiền gốc 320 triệu đó, sau đó ông T tiếp tục làm tờ giấy viết tay với nội dung vợ chồng tôi đang nợ số tiền của ông T là 290 triệu đồng. Sau khi làm xong tờ giấy này, ông T không kêu tôi ký mà chỉ kêu ông D ký vào tờ giấy trên sau đó ông D chỉ ký tên (không ghi đầy đủ họ tên) rồi sau đó ông D chửi mắng ông T là đã ăn lời cắt cổ rồi còn bắt ký làm gì khi nào tôi có tôi sẽ trả rồi sau đó bỏ đi về. Sau khi ông D bỏ về thì tôi cũng đi theo về, lúc này ông T quay đe dọa và ép buộc bà ký vào tờ giấy này, bà vì quá hoàn sợ nên đã ký và ghi họ tên vào tờ giấy viết tay đề ngày 25/8/2022 với nội dung vợ chồng bà còn nợ ông T số tiền 290 triệu đồng. Bà xác nhận chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Kiều Thị Huyền T1” trong tờ giấy nợ viết tay ghi ngày 25/8/2022 là chữ ký và chữ viết của bà. Tuy nhiên việc bà ký và viết họ tên vào tờ giấy này là do bị ông T ép buộc, đe dọa, bà sợ hai bên xảy ra xô xát nên bà mới ký để được ra về.

Bà xác nhận việc vay mượn tiền giữa ông T với ông D là nợ riêng của ông D, bà không biết việc vay mượn tiền giữa hai bên, vì việc vay tiền của ông D nhằm mục đích tiêu xài cá nhân, bà không biết nên bà không có trách nhiệm cùng trả số tiền trên cho ông T.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi của nguyên đơn ông Trịnh Văn T, buộc ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 phải trả cho ông Trịnh Văn T số tiền nợ 200.000.000 đồng

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:* Ông Trịnh Văn T khởi kiện yêu cầu ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 phải trả số tiền nợ 200.000.000 đồng. Vợ chồng ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 hiện đang cư trú tại thôn V, xã P, huyện T, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận. Quan hệ pháp luật giải quyết là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1]. *Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất:* Trong tổng số tiền mà các bên đang tranh chấp, trong đó có 90.000.000 đồng là tiền nợ của bà Nguyễn Thị Xuân C (trước đây là vợ của ông T3), nay giữa các bên đã tự thỏa thuận đối với số tiền trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đồng thời đề nghị Tòa án trừ số tiền 90.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ trên ra, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận quyền tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, khấu trừ số tiền 90.000.000 đồng, trong tổng số tiền 290.000.000 đồng theo giấy vay nợ ngày 25/8/2022. Hội đồng xét xử giải quyết tranh chấp đối với số tiền 200.000.000 đồng.

[2.2]. *Về chứng cứ trong vụ án:* Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trịnh Văn T cung cấp chứng cứ là tờ giấy vay mượn tiền được các bên ký kết ngày 25/01/2022 có chữ ký, chữ viết của ông Thập Hồng D và giấy nợ đề ngày 25/8/2022 có ký, chữ viết của ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1. Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các tài liệu trên là chữ ký, chữ viết của ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là tình tiết, chứng cứ có thật được các bên thừa nhận và xác định đây là chứng cứ chính trong vụ án, ông T không phải chứng minh thêm.

[2.3]. *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn T4:* Quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, ông T4 yêu cầu vợ chồng ông D, bà T1 phải trả cho ông số tiền gốc

còn nợ là 200.000.000 đồng. Ông D xác nhận có vay và cho rằng hiện nay chỉ còn nợ ông T4 số tiền là 130.000.000 đồng, vì trong tổng số tiền nợ trên vợ chồng ông đã trả cho ông T4 70.000.000 đồng nên đồng ý trả cho ông T4 số tiền 130.000.000 đồng, tuy nhiên ông D không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến phân bác này nên không có căn cứ để chấp nhận. Ông T4 cho rằng sau khi vợ chồng ông D trả cho ông số tiền gốc 30.000.000 đồng thì hai bên đã chốt lại số tiền còn nợ, đồng thời làm lại làm giấy vay nợ đề ngày 25/8/2022, ông D, bà T1 xác nhận chữ ký, chữ viết trong tờ giấy vay nợ là chữ ký và chữ viết của ông bà vì vậy, lời trình bày của ông T4 là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ là giấy nợ ngày 25/8/2022 nên chấp nhận.

[3]. *Về trách nhiệm trả nợ:* Ông T4 yêu cầu vợ chồng ông D, bà T1 phải có trách nhiệm cùng trả số tiền nợ 200.000.000 đồng trên cho ông.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà T1 cho rằng số tiền nợ trên là nợ riêng của ông D, khi ông D vay bà không biết, ông D tự ý đi vay không cho bà biết nên bà không có trách nhiệm trả trả cùng. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai, bà thừa nhận có biết việc ông D vay tiền, bà có cùng ông D đi trả nợ cho ông T4, bà thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy nợ ngày 25/8/2022 là chữ ký, chữ viết của bà. Tại biên bản lấy lời khai (BL 29, 30) và tại phiên tòa, ông D thừa nhận việc vay tiền để đầu tư làm ăn kinh doanh kiếm lời phục vụ cho nhu cầu hàng ngày của gia đình và việc vay tiền bà T1 đều biết vì nhiều lần vay tiền có lúc ông là người trực tiếp qua nhà ông T4 lấy, có lúc ông đi xa thì bà T1 là người qua nhà ông T4 lấy. Vì vậy, có căn cứ xác định số tiền nợ trên là nợ chung của vợ chồng ông D, bà T1.

Với phân tích, đánh giá trên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 phải trả cho ông Trịnh Văn T số tiền 200.000.000 đồng. Ông T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[4]. *Về án phí:* Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do yêu cầu của ông T được chấp nhận, vì vậy buộc ông D, bà T1 phải chịu phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Văn T. Buộc vợ chồng ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Văn T số tiền 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Thập Hồng D, bà Kiều Thị Huyền T1 phải chịu 10.000.000đ (mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trịnh Văn T số tiền 7.250.000đ (bảy triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0002311 ngày 19/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Khánh Hưng

